

Bản án số: 01/2020/HNGĐ-PT

Ngày: 26/02/2020

V/v: *Ly hôn*

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TOÀ ÁN NHÂN DÂN TỈNH BẮC KẠN

Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Ngọc Hoa

Các Thẩm phán: 1. Ông Hoàng Hữu Truyền

2. Bà Đàm Thị Minh Hương

Thư ký phiên tòa: Bà Hoàng Thị Thúy Loan – Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Bắc Kạn.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bắc Kạn tham gia phiên tòa: Bà Hoàng Ánh Dương - Kiểm sát viên.

Ngày 26 tháng 02 năm 2020 tại Trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Bắc Kạn, Tòa án nhân dân tỉnh Bắc Kạn xét xử phúc thẩm công khai vụ án Hôn nhân và gia đình thụ lý số: 05/2019/HNGĐ-PT ngày 26 tháng 12 năm 2019 về việc: “*Ly hôn*”.

Do Bản án Hôn nhân và gia đình sơ thẩm số: 05/2019/HNGĐ-ST ngày 19 tháng 11 năm 2019 của Tòa án nhân dân huyện B, tỉnh Bắc Kạn bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 01/2020/QĐ-PT ngày 04 tháng 02 năm 2020, giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn*: Chị Luân Thị H; sinh năm 1982; HKTT: thôn B, xã L, huyện B, tỉnh Bắc Kạn; Chỗ ở hiện nay: Trường Tiểu học N, huyện Ch, tỉnh Bắc Kạn. Có mặt

2. *Bị đơn*: Anh Nguyễn Văn T; sinh năm 1981; HKTT, Chỗ ở: thôn B, xã L, huyện B, tỉnh Bắc Kạn. Có mặt

3. *Người làm chứng (Tòa án không triệu tập)*:

3.1. Anh Nông Thanh H

3.2. Chị Triệu Thị Hương T

3.3. Bà Dương Thị H

3.4. Chị Hoàng Thị Y

3.5. Bà Tô Thị K

Cùng địa chỉ: Trường Tiểu học N, xã N, huyện C, tỉnh Bắc Kạn

3.6. Chị Ma Thị T; Địa chỉ: Trường THCS Đ, xã Đ, huyện C, tỉnh Bắc Kạn

3.7. Anh Hoàng Văn B; Địa chỉ: Trường Tiểu học P, xã P, huyện C, tỉnh Bắc Kạn

3.8. Bà Lương Thị Ngọc T; Địa chỉ: tổ 9, phường P, thành phố B, tỉnh Bắc Kạn

Người kháng cáo: Bị đơn anh Nguyễn Văn T

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo đơn khởi kiện và trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn chị Luân Thị H trình bày:

Chị và anh Nguyễn Văn T kết hôn có đăng ký kết hôn ngày 08/01/2008 tại UBND xã C, huyện P, tỉnh Thái Nguyên trên cơ sở tự nguyện. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống tại xã L, huyện B, tỉnh Bắc Kạn. Ngay từ sau khi kết hôn vợ chồng chị thường xuyên mâu thuẫn, cãi vã, xô xát do bất đồng quan điểm, lối sống. Anh T nóng tính, gia trưởng, không tu chí làm ăn, thường xuyên ghen tuông vô cớ. Anh T đã đánh chị nhiều lần, lần nặng nhất là khoảng tháng 02/2014 xảy ra tại tập thể trường Tiểu học N khiến chị bị chảy máu ở mặt, không nói được, đi lại khó khăn phải đi điều trị tại Trung tâm y tế huyện C. Tuy nhiên, thời điểm này chị còn muốn giữ hạnh phúc gia đình nên chị đã nói là bị ngã. Nhiều lần vì các con chị đã bỏ qua cho anh T. Tuy nhiên, anh T vẫn luôn dọa đánh và chửi bới chị. Vợ chồng chị sống ly thân từ tháng 01/2019 đến nay. Chị xác định không còn tình cảm với anh T nữa và yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn.

Về con chung: Có 02 con chung là Nguyễn Luân H, sinh ngày 06/01/2009 và Nguyễn Minh H, sinh ngày 06/6/2015. Cả 02 con khỏe mạnh, phát triển bình thường. Anh T có nguyện vọng trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục cả hai con cho đến khi trưởng thành, không yêu cầu chị cấp dưỡng nuôi con, chị cũng nhất trí.

Về tài sản chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết

Về vay nợ chung: Vợ chồng chị có vay của Ngân hàng TMCP Bưu điện L tại Phòng giao dịch huyện C, số tiền 100.000.000đ (Một trăm triệu đồng), hiện còn dư nợ 74.999.995đ (Bảy mươi tư triệu chín trăm chín mươi chín nghìn chín trăm chín mươi năm đồng). Chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại Bản tự khai và quá trình giải quyết vụ án tại cấp sơ thẩm, bị đơn anh Nguyễn Văn T trình bày:

Quá trình đăng ký kết hôn như chị H trình bày là đúng. Tuy nhiên, do tính chất công việc thường xuyên phải đi làm ăn xa, vợ chồng sống gần nhau không nhiều, vợ chồng anh cũng có nhiều lúc cãi nhau do bất đồng quan điểm, nhưng mâu thuẫn vợ chồng chưa trầm trọng, vẫn có thể bỏ qua cùng nhau chăm sóc nuôi dạy các con. Vợ chồng sống ly thân từ đầu năm 2019 đến nay, nhưng anh xác định vẫn còn tình cảm với chị H nên không nhất trí ly hôn.

Về con chung: Có 02 con chung là Nguyễn Luân H, sinh ngày 06/01/2009 và Nguyễn Minh H, sinh ngày 06/6/2015. Cả 02 con khỏe mạnh, phát triển bình thường. Anh T có nguyện vọng trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục cả hai con cho đến khi trưởng thành, không yêu cầu chị H cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung: Không yêu cầu giải quyết

Về vay nợ chung: Vợ chồng anh có vay của Ngân hàng TMCP Bưu điện L tại Phòng giao dịch huyện C, số tiền 100.000.000đ (Một trăm triệu đồng), hiện còn dư nợ 74.999.995đ (Bảy mươi tư triệu chín trăm chín mươi chín nghìn chín trăm chín mươi năm đồng). Chị H là người đứng tên trong hợp đồng vay. Anh không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Ngày 23/10/2019 Ngân hàng TMCP Bưu điện L tại Phòng giao dịch huyện C ban hành Văn bản số 027/2019/CV-LPB.PGDGD, có nội dung: Ngày 29/01/2018 chị Luân Thị H có vay Ngân Hàng TMCP Bưu điện L tại Phòng giao dịch huyện C, số tiền 100.000.000đ (Một trăm triệu đồng), chương trình cho vay tiêu dùng không tài sản bảo đảm danh cho cán bộ, công chức, viên chức. Thời hạn cho vay 60 tháng. Ngày trả nợ cuối cùng 29/01/2023. Tính đến ngày 23/10/2019 dự nợ là 65.000.000đ và lãi phát sinh. Chị H và anh T không yêu cầu giải quyết khoản nợ trên, do đó Ngân hàng cũng không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bản án số 05/2019/HNGĐ-ST ngày 19 tháng 11 năm 2019 của Tòa án nhân dân huyện B, tỉnh Bắc Kạn đã căn cứ vào các điều 51, 56, 57, 81, 82 và Điều 83 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, Điều 147 và Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án. Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Luân Thị H:

- Về quan hệ hôn nhân: Chị Luân Thị H được ly hôn với anh Nguyễn Văn T

- Về con chung: Ghi nhận sự thỏa thuận của chị H và anh T, cụ thể: Giao con Nguyễn Luân H, sinh ngày 06/01/2009 và Nguyễn Minh H, sinh ngày 06/6/2015. Cả 02 con khỏe mạnh, phát triển bình thường cho anh T trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục cho đến khi trưởng thành.

Chị Luân Thị H có quyền và nghĩa vụ thăm nom con chung, không ai được cản trở.

- Về cấp dưỡng nuôi con chung: Anh Nguyễn Văn T không yêu cầu chị H cấp dưỡng nuôi con nên không xem xét giải quyết.

- Về tài sản chung và vay nợ chung: Không yêu cầu giải quyết

Ngoài ra án còn tuyên án phí và quyền kháng cáo của các đương sự.

Ngày 25 tháng 11 năm 2019 anh Nguyễn Văn T kháng cáo toàn bộ Bản án sơ thẩm số 05/2019/HNGĐ-ST ngày 19 tháng 11 năm 2019 của Tòa án nhân dân

huyện B, yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm hủy bản án sơ thẩm để vợ chồng được đoàn tụ.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

Bị đơn anh Nguyễn Văn T có ý kiến: Trong quá trình chung sống vợ chồng có phát sinh mâu thuẫn, cãi chửi nhau, từ đầu năm 2019 chị H nói xin ly hôn và không quan tâm đến anh nhưng anh cho rằng mâu thuẫn vợ chồng chưa đến mức trầm trọng phải ly hôn. Từ sau khi xét xử sơ thẩm anh T không gặp gỡ chị H, hai người không có biện pháp gì để cải thiện tình cảm vợ chồng.

Nguyên đơn chị Luân Thị H có ý kiến: Mâu thuẫn vợ chồng xảy ra từ lâu, vợ chồng thường xuyên xô xát, anh T là người gia trưởng, không quan tâm đến vợ. Đến nay chị khẳng định tình cảm của chị với anh T không còn, chị kiên quyết xin ly hôn.

Đại diện Viện kiểm sát tham gia phiên tòa phát biểu quan điểm:

Về thủ tục tố tụng: Việc chấp hành pháp luật của những người tiến hành tố tụng từ khi thụ lý vụ án đến trước khi nghị án và của những người tham gia tố tụng tuân theo đúng quy định của pháp luật tố tụng dân sự.

Về nội dung kháng cáo: Tòa án cấp sơ thẩm chấp nhận yêu cầu xin khởi kiện của chị Luân Thị H, cho chị Luân Thị H được ly hôn với anh Nguyễn Văn T là có căn cứ. Ghi nhận sự thỏa thuận của chị H, anh T giao cả hai con chung cho anh Nguyễn Văn T trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục là phù hợp với nguyện vọng của con, phù hợp với quy định của pháp luật. Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 308 của Bộ luật Tố tụng dân sự, không chấp nhận toàn bộ kháng cáo của anh Nguyễn Văn T. Giữ nguyên bản án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và ý kiến của các đương sự, đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa, Hội đồng xét xử xét thấy:

[1] Xét yêu cầu kháng cáo xin được đoàn tụ của bị đơn Nguyễn Văn T, thấy: Tại các biên bản lấy lời khai những người làm chứng là các thầy cô giáo cùng sinh sống tại tập thể trường Tiểu học N thời điểm năm 2012 đến 2015 đều thể hiện vợ chồng chị H, anh T thường xuyên xảy ra mâu thuẫn, cãi, chửi nhau, có lần chị H bị chồng đánh phải đi viện điều trị (BL 35, 37, 39, 41, 43, 45, 51a, 47). Bố, mẹ đẻ chị H cũng xác định chị H bị anh T đánh tại nhà ở xã L, huyện B, tỉnh Bắc Kạn (BL31-33). Trưởng thôn B cung cấp qua thăm nắm thì giữa hai vợ chồng chị H thường xuyên xảy ra mâu thuẫn cãi cọ và cả xô xát nhau, nhưng vợ chồng chị H chưa yêu cầu thôn hòa giải bao giờ (BL 50). Anh T xác định trong cuộc sống vợ chồng có xảy ra mâu thuẫn cãi chửi nhau, vợ chồng sống ly thân từ đầu năm 2019 nhưng chưa đến mức trầm trọng phải ly hôn. Chị H xác định vợ chồng đã ly thân từ đầu năm 2019, không còn quan tâm chia sẻ gì với nhau, tình cảm vợ chồng đã rạn nứt từ lâu, mâu thuẫn vợ chồng không thể cải thiện được nên kiên quyết xin ly hôn. Từ các căn cứ nêu trên, xét thấy Bản án sơ thẩm xác

định mâu thuẫn vợ chồng đã thực sự trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên chấp nhận việc xin ly hôn của chị H là có căn cứ. Anh T kháng cáo xin được đoàn tụ để xây dựng cuộc sống gia đình, chăm sóc con cái, nhưng tại phiên tòa phúc thẩm anh thừa nhận từ sau khi xét xử sơ thẩm cũng không có biện pháp gì để hàn gắn tình cảm vợ chồng. Tại phiên tòa phúc thẩm chị H vẫn kiên quyết xin được ly hôn. Đại diện Viện kiểm sát đề nghị bác toàn bộ kháng cáo của anh Nguyễn Văn T, giữ nguyên bản án sơ thẩm là có căn cứ, cần chấp nhận.

[2] Về con chung: Bản án sơ thẩm giao con chung Nguyễn Luân H, sinh ngày 06/01/2009 và Nguyễn Minh H, sinh ngày 06/6/2015 cho anh T trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục cho đến khi trưởng thành là đã xem xét ghi nhận sự thỏa thuận của chị H và anh T, nguyện vọng được ở với bố của cháu Nguyễn Luân H (BL 28). Anh Nguyễn Văn T không yêu cầu chị H cấp dưỡng nuôi con. Tại phiên tòa phúc thẩm các đương sự không có thỏa thuận khác.

[3] Về tài sản chung, nợ chung: Tại cấp sơ thẩm các đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[4] Về án phí: Căn cứ khoản 1 Điều 148 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Khoản 1 Điều 29 Nghị quyết 326 của Ủy ban thường vụ Quốc hội ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Anh Nguyễn Văn T phải chịu 300.000đ (*Ba trăm nghìn đồng*) tiền án phí dân sự phúc thẩm, được trừ vào tiền tạm ứng án phí 300.000đ (*Ba trăm nghìn đồng*) anh T đã nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện B.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ: khoản 1 Điều 308; khoản 1 Điều 148 của Bộ luật Tố tụng dân sự 2015; các điều 51, 56, 57, 81, 82 và Điều 83 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; Khoản 1 Điều 29 Nghị quyết 326 của Ủy ban thường vụ Quốc hội ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Bác toàn bộ kháng cáo của bị đơn anh Nguyễn Văn T. Giữ nguyên Bản án số 05/2019/HNGĐ-ST ngày 19 tháng 11 năm 2019 của Tòa án nhân dân huyện B, tỉnh Bắc Kạn, như sau:

- Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Luân Thị H.

+ Về quan hệ hôn nhân: Chị Luân Thị H được ly hôn với anh Nguyễn Văn

T

+ Về con chung: Ghi nhận sự thỏa thuận của chị H và anh T, cụ thể: Giao con Nguyễn Luân H, sinh ngày 06/01/2009 và Nguyễn Minh H, sinh ngày 06/6/2015. Cả 02 con khỏe mạnh, phát triển bình thường cho anh T trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục cho đến khi trưởng thành.

Chị Luân Thị H có quyền và nghĩa vụ thăm nom con chung, không ai được cản trở.

+ Về cấp dưỡng nuôi con chung: Anh Nguyễn Văn T không yêu cầu chị H cấp dưỡng nuôi con nên không xem xét giải quyết.

+ Về tài sản chung và vay nợ chung: Không yêu cầu giải quyết

2. Về án phí:

Anh Nguyễn Văn T phải chịu 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) tiền án phí dân sự phúc thẩm, được trừ vào số tiền 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) anh T đã nộp theo Biên lai thu số 08721 ngày 29 tháng 11 năm 2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện B.

Chị Luân Thị H phải chịu 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm, được trừ vào số tiền 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) tạm ứng án phí chị H đã nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện B.

“Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6,7, và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự”

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- TAND cấp cao tại HN;
- TAND huyện B (1b);
- VKSND tỉnh Bắc Kạn (2b) ;
- THADS huyện B (1b);
- Các đương sự (2b);
- UBND xã C, P, TN (1b);
- Lưu hồ sơ vụ án.
- Lưu.

**T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Ngọc Hoa

